

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Đức Nhân

+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 950/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Suối Q, xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Chỗ ở hiện nay: Khu 2, ấp 7, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

- Bị đơn: Anh Danh Thanh Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Suối Q, xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Chị L có mặt, anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2019, bản tự khai ngày 14/01/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh Q yêu cầu chị nghỉ làm công nhân,

chị không đồng ý, dẫn đến vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã. Tháng 6/2019, chị bị tai nạn phải nằm viện điều trị, anh Q bỏ mặc không quan tâm gì đến chị. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, anh Q sinh sống tại nhà cha mẹ ruột anh Q, vợ chồng không có bàn bạc đoàn tụ, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: Có 01 cháu tên Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018.

Hiện anh Q đang nuôi dưỡng từ tháng 8/2019 cho đến nay. Thời gian qua anh Q nuôi con, chăm sóc con không tốt, cho con ăn uống không điều độ, không đúng thời gian, hơn nữa anh Q thường hay nói chuyện dùng từ ngữ khó nghe (chửi tục), chị sợ sẽ ảnh hưởng đến con. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

+ *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2020, bị đơn anh Danh Thanh Q trình bày:*

Anh và chị L xây dựng gia đình với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Do, công việc chị L làm công nhân, Công ty cách xa nhà không thuận tiện cho việc đi lại, anh có yêu cầu chị L nghỉ việc nhưng chị L không đồng ý. Tháng 6/2019, chị L bị tai nạn xe phải nằm Bệnh viện điều trị, do công việc gia đình và chăm sóc con nên anh không lo lắng cho chị L, đã ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Sau đó, chị L đã tự ý bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, cũng không bàn bạc đoàn tụ, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018.

Hiện anh đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh Q.

Về con chung: Cháu Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018 (dưới 36 tháng tuổi) đề nghị giao cháu M cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc sẽ tốt hơn. Về cấp dưỡng, tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh Thanh Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Danh Thanh Q cùng cư trú tại xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Chị L có đơn tranh chấp ly hôn với anh Danh Thanh Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/01/2018, áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, Chị L và anh Q có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cũng không quan tâm gì đến nhau. Tại tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, chị yêu cầu ly hôn anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện để chị L và anh Q đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Danh Quang M.

Xét thấy, hiện tại chị L có nơi ở, nghề nghiệp, mức thu nhập ổn định. Đối với anh Q, hiện tại nghề nghiệp làm vườn, mức thu nhập không ổn định, cháu

Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018. Tại thời điểm xét xử cháu M dưới 36 tháng tuổi, người mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L, giao con chung Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa công khai, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L đối với anh Danh Thanh Q về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn anh Danh Thanh Q.

Về con chung: Giao cháu Danh Quang M, sinh ngày 12/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Danh Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn. Chị L, anh Q vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh Q có quyền đến thăm con không ai

được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0002875 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh